

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-PT

Ngày: 03-4-2018

V/v: “*Tranh chấp bồi thường
thiệt hại về sức khỏe và tài
sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan

Ông Nguyễn Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/DSPT ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2017/QĐPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957

Người đại diện ủy quyền của bà Phạm Thị H: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954 (Theo văn bản ủy quyền số 259 ngày 03 tháng 5 năm 2017) (vắng)

Cùng địa chỉ: KP N, TT L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Hoàng Minh Q – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H

Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1978

+ Ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1980 (vắng)

+ Ông Trần D1, sinh năm 1968 (vắng)

Cùng địa chỉ: KP N, TT L, huyện L, tỉnh Bình Phước

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao Su L.

Địa chỉ: TT L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K (Theo văn bản ủy quyền số 157 ngày 22 tháng 02 năm 2016) (vắng)

+ Bệnh viện Đa khoa cao su L.

Địa chỉ: TT L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy Q (Theo văn bản ủy quyền số 157 ngày 22 tháng 02 năm 2016) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1955 (vắng)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X là ông Nguyễn Đình H1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 11 năm 2016).

4. Người làm chứng:

- Ông Phạm Trung T, sinh năm 1950.

- Ông Phạm Đình N, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: KP N, TT L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ 8, KP 8, phường P, TP T, tỉnh Bình Dương

- Ông Hồ Văn Duy L2, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp 3B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị H (Tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày bà không cần người đại diện ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2013, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nội dung vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Vào năm 1985 bà H có làm công nhân nhà máy chế biến Công ty cao su L (Nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao Su L), năm 1992 thì bà H khai phá khu đất phía sau nhà tập thể của Bệnh viện Đa khoa Cao su L có diện tích khoảng 4000m² sau đó bà H trồng các cây trồng là cây điều, cây xà cừ, cây tràm và cây lim trên khu đất này.

Ngày 23/02/2008 bà H phát hiện ông Nguyễn Đình H1, ông Nguyễn Đình H2 và ông Trần D1 đã chặt phá một số cây trồng của bà H đã trồng để làm nhà. Khi phát hiện bà H có đến yêu cầu dừng lại việc thực hiện chặt cây thì bị ông Nguyễn Đình H1 đánh bà H gây thương tích. Vì vậy bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đình H1, ông Nguyễn Đình H2 và ông Trần D1 phải bồi thường số cây đã chặt với số tiền 487.000.000 đồng và buộc riêng ông Nguyễn Đình H1 phải bồi thường chi phí điều trị bệnh cho bà H do ông H1 đánh bà H gây thương tích với số tiền yêu cầu bồi thường là 38.434.000 đồng.

Ngày 02/4/2014 bà Phạm Thị H có đơn bổ sung yêu cầu ông Nguyễn Đình H1 bồi thường tiền trồng 03 cái rặng (BL07) do ông H1 đánh bà H làm thiệt hại 03 cái rặng của bà H với số tiền 20.000.000 đồng/cái rặng, 03 cái rặng số tiền yêu cầu là 60.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị H yêu cầu bổ sung số tiền chi phí cho việc khám chữa bệnh theo đúng như bảng kê khai chi phí điều trị thương tích do bà H cung cấp (BL số 110) là 47.325.780 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nội dung vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đình H1 trình bày:

Vào năm 2004 ông H1 được Bệnh viện Đa khoa cao su L cho một phần diện tích đất và tài sản là các cây trồng trên đất để sử dụng và canh tác sinh sống, khi được cho đất thì ông H1 đã tiến hành chặt một số cây trồng trên đất gồm cây trầm và cây xà cừ để xây nhà và sinh sống từ đó đến nay. Tuy nhiên vào ngày 23 tháng 02 năm 2008 khi ông H1 đang đi làm ở Bệnh viện Đa khoa cao su L thì có cuộc gọi điện thoại của người nhà gọi về nhà có bà H qua nhà ông H1 chửi bà Nguyễn Thị X là cô của ông H1 và nói ông H1 là chiếm đất của bà H, sau đó ông H1 về và có khuyên bà H về đi, ông H1 vào nhà thì thấy bà H và bà X đang chửi nhau, bà H bốc cát ném vào bà X và con của ông H1, lúc này ông H1 giận quá nên đã tát vào má bên trái bà H và đuổi bà ra khỏi nhà ông H1 thì bà H không về mà còn lấy cây đánh ông H1, ông H1 chạy vào nhà đóng cửa lại thì ở ngoài bà H và bà X đang đánh nhau, vật lộn nhau, bà X túm tóc bà H và hai bà vật nhau, sau đó bà H bị té xuống và nằm trong sân nhà ông H1 để chờ cơ quan Công an đến giải quyết. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông H1 bồi thường số cây trồng ông H1 đã chặt và bồi thường chi phí điều trị cho bà H cũng như tiền chi phí trồng rặng, tiền công lao động, tiền chi trả cho người chăm sóc bà H thì ông H1 không đồng ý vì đất và cây trồng trên đất là của Bệnh viện Đa khoa cao su L cho ông H1 làm nhà ở. Đối với yêu cầu bồi thường chi phí điều trị bệnh và chi phí trồng rặng cho bà H thì ông H1 cũng không đồng ý vì ông H1 không đánh bà H gây thương tích mà ông H1 chỉ tát một cái vào má bên trái của bà H không gây ra thương tích nào cho bà H nên ông H1 không đồng ý với yêu cầu của bà H.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đình H2 trình bày:

Ông H2 làm việc tại Đội 4, nông trường 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước đến năm 2008 thì ông H1 có xin Bệnh viện đa khoa cao su L một phần đất trên phần đất của ông H1, năm 2008 ông H2 chưa về sinh sống trên đất nên không biết sự việc có chặt cây, đến năm 2010 thì ông H2 về sinh sống trên phần đất gần nhà ông H1, vào năm 2011 ông H2 có chặt cây Lim và một số cây xà cừ nằm trên phần đất ông H1 quản lý và sử dụng, nguồn gốc các cây trên là của Bệnh viện Đa khoa cao su L thuê người trồng chứ không phải của bà H trồng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông H2 bồi thường số cây trồng trên thì ông H2 không đồng ý với yêu cầu của bà H, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần D1 trình bày:

Ông D1 là cán bộ Bệnh viện Đa khoa Cao Su L, vào năm 2006 Bệnh viện Đa khoa Cao Su L có cho ông D1 một thửa đất và các cây trồng trên đất tọa lạc khu phố N, Thị trấn L, huyện L để canh tác, sinh sống từ đó đến nay, khi được cho đất ông D1 tiến hành làm nhà và chặt một số cây trồng trên phần đất được cho. Nguồn gốc các cây trên là của Bệnh viện Đa khoa Cao Su L thuê người trồng chứ không phải của bà H trồng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông D1 bồi thường số cây trồng trên thì ông D1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại văn bản số 157/CSLN-TTBVQS của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao Su L trình bày:

Diện tích đất 129.502,7m², tọa lạc tại ấp 4B, thị trấn L (Nay là KP N, TT L, huyện L, tỉnh Bình Phước) là do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao Su L quản lý, giao cho Bệnh viện Đa khoa Cao Su L sử dụng.

Năm 2003, Trung tâm y tế (Nay là Bệnh viện đa khoa Cao Su L) giao lại phần đất trên cho Công ty Cao Su L (Nay là Công ty TNHH MTV Cao Su L) để bán hóa giá tài sản cố định là nhà ở, trên diện tích đất có trồng một số cây như cây xà cừ khoảng 10 năm tuổi, phần đất trên do Công ty quản lý.

Diện tích 4000m² tọa lạc tại ấp 4B, TT L, huyện L, tỉnh Bình Phước mà bà H cho rằng bà trồng một số cây như cây điều, cây xà cừ, cây lim vào năm 1992 và chăm sóc đến năm 2008 thì bị ông H1, ông H2, ông D1 chặt để làm nhà là diện tích đất thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH một thành viên Cao Su L, đối với diện tích đất này thì năm 1984 ông Phạm Trung T làm giám đốc Bệnh viện là người quản lý, ông T khẳng định rằng cây xà cừ và một số cây trồng khác trên diện tích đất nói trên do Bệnh viện thuê ông Hồ Văn Duy L2 và bà Nguyễn Thị L1 trồng, bà H có khiếu nại Công ty Cao Su L đến Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết tại quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tại văn bản số 156/CV-BVCSLN ngày 22 tháng 7 năm 2015 Bệnh viện Đa khoa Cao Su L trình bày:

Diện tích đất 129.502,7m², tọa lạc tại ấp 4B, thị trấn L (Nay là KP N, TT L, huyện L, tỉnh Bình Phước) cấp cho Công ty Cao Su L quản lý và Công ty giao lại cho Bệnh viện Đa khoa Cao Su L sử dụng từ năm 1977. Công ty Cao Su L đã xây khu tập thể cho Cán bộ công nhân viên Trung tâm y tế Cao Su L ở và làm việc. Công ty giao cho Trung tâm y tế (Nay là Bệnh viện Đa khoa Cao Su L) quản lý và sử dụng cho đến nay.

Diện tích đất khoảng 4000m² (chiều ngang 44m, chiều dài 95m) theo giám đốc Trung tâm y tế cũ nay là Bệnh viện Đa khoa Cao Su L cho biết trước đây trên phần đất này do ông Hồ Văn Duy L2 và bà Nguyễn Thị L1 trồng cây xà cừ, ông N – Bảo vệ của Bệnh viện trồng một số cây điều chứ không có liên quan gì tới bà Phạm Thị H, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã có đoàn kiểm tra về xác minh đất của ông H2, ông D1 làm nhà là được sự đồng ý của ông Phạm Trung T – Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Cao Su L vào năm 2004 chứ không liên quan gì đến bà Phạm Thị H.

Các cây trồng trên phần diện tích đất của ông H1, ông D1, ông H2 là do ông Hồ Văn Duy L2, bà Nguyễn Thị L1 trồng và cù, ông N – Bảo vệ Bệnh viện trồng một số cây điều và do Bệnh viện Đa khoa Cao Su L có quyền sở hữu. Căn cứ vào các tài liệu và nhân chứng thì Bệnh viện Đa khoa Cao Su L cho rằng những tố cáo của bà H là không có căn cứ.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X là ông Nguyễn Đình H1 trình bày:

Vào khoảng 8h sáng ngày 23/02/2008 bà X đang bế cháu ở trong nhà thì có nghe bên ngoài tiếng chửi của bà H, hai bên chửi qua chửi lại thì bà H lấy cát ném vào người bà X, sau đó bà X túm lấy chân của bà H kéo về phía sau làm bà H té ngửa ra sau, bà X ôm bụng bà H, bà H túm tóc bà X, bà X đưa tay lên dấm vào phần mặt của bà H, bà H túm tóc bà X ghì xuống đất, khi được kêu lên thì hàng xóm chạy qua ngăn lại, sau đó bà X bỏ đi qua nhà hàng xóm. Việc đánh nhau là do bà H và bà X đánh nhau, ngoài ra không có ai khác. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình H1 bồi thường chi phí chữa bệnh thì bà X không đồng ý vì việc đánh nhau là do bà X chứ không phải ông H1. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình H1, ông Nguyễn Đình H2, ông Trần D1 bồi thường số tiền: 487.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng)

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình H1 bồi thường chi phí điều trị bệnh, tiền công lao động bị mất của bà H và của người chăm sóc bà H.

Buộc ông Nguyễn Đình H1 phải bồi thường chi phí điều trị bệnh cho bà Phạm Thị H và tiền công lao động bị mất của bà H và của người chăm sóc bà H với số tiền là: 535.250 đồng (Năm trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình H1 phải bồi thường chi phí điều trị, tiền công lao động bị mất, tiền công thuê người chăm sóc với số tiền không được chấp nhận là 47.325.780 đồng – 535.250 đồng = 46.790.530 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi ngàn, năm trăm ba mươi đồng) và 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền chi phí trồng 03 cái rừng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 02/8/2017, nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nguồn gốc cây trồng của bà, không xem xét các biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân thị trấn L về cây trồng trên đất và xác định bà X là người đánh bà cũng như thương tích không % là không đúng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nguyên đơn bà Phạm Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị H, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy:

[1] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản: Bà H cho rằng vào năm 1990 bà H sinh sống trên phần đất hiện bà đang sinh sống, bà thấy đất bỏ hoang nên đã trồng cây xà cừ, cây điều, cây tràm và cây lim trên phần diện tích đất khoảng 4000m² tọa lạc tại khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước, đến ngày 23/02/2008 thì bà H phát hiện ông Nguyễn Đình H1 và ông Trần D1 chặt phá cây trồng của bà để làm nhà. Đến năm 2011 thì ông Nguyễn Đình H2 cũng chặt cây của bà trên phần diện tích đất trên. Tuy nhiên, toàn bộ diện tích đất mà ông H1, ông H2, ông D1 đang sử dụng nằm trong diện tích đất 129.520,7 m² tọa lạc tại Ấp 4B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Txxxxxx ngày 31/12/2007 cho Công ty cao su L. Năm 1977, Công ty Cao su L đã xây dựng khu nhà tập thể cho cán bộ công nhân viên để ở, khi Công ty giảm biên chế một số cán bộ công nhân viên, khu nhà tập thể không có người ở, bà H xin vào ở và được Công ty chấp nhận cho bà H ở. Ngày 24/12/2004, Công ty cao su L ban hành Quyết định số 572/QĐ-TSCĐ về việc nhượng bán tài sản cố định là nhà ở đã thanh lý cho cán bộ công nhân viên, tuy bà H không nằm trong đối tượng được hóa giá nhưng do bà H đã sinh sống ổn định nên được Công ty chấp thuận hóa giá một gian nhà tập thể với diện tích 41,5m² với số tiền 3.437.200 đồng, đến ngày 12/01/2005 Công ty cao su L có Biên bản số 19/BBBG-TSCĐ về việc bàn giao tài sản cố định là nhà ở. Bà H cho rằng cây trồng trên phần diện tích đất này là của bà H trồng từ năm 1992. Nhưng theo lời trình bày của ông Phạm Trung T –Giám đốc Trung tâm y tế cao su L, thì năm 1996 ông Đào Quang T1 có đến xin một phòng nhà tập thể phía sau bệnh viện Công ty cao su L cho bà Phạm Thị H ở, ông T đồng ý cho bà H ở đến nay, còn một số cây xà cừ thì vào năm 1999 Bệnh viện có thuê gia đình của bà Nguyễn Thị L1 trồng, đến năm 2008, Bệnh viện Công ty cao su L cho ông D1, ông H1 làm nhà, sau đó ông H1, ông D1 đã chặt bỏ một số cây xà cừ để làm nhà. Lời trình bày này của ông T2 phù hợp với lời trình bày của ông Hồ Văn Duy L2, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Đình N là những người trực tiếp trồng cây xà cừ, cây điều trên đất đang tranh chấp.

Ngoài ra, Bà H còn cung cấp giấy xác nhận đề ngày 20/5/2009 với nội dung: Năm 1993 bà H trồng cây điều và bạch đàn trên đất của ông H1, ông H2, ông D1 đang quản lý và được người dân ký xác nhận là ông Hà Huy V, bà Nguyễn Thị T3, bà Trần Thị H3, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị V1. Tuy nhiên, Công an huyện L đã tiến hành xác minh, làm việc với những người ký xác nhận trong giấy cho bà H cung cấp gồm bà Trần Thị H3 (Tại BL 285) thì *“Năm 1994 có thấy chị H trồng chuối và tre chứ không thấy trồng điều và xà cừ..”*; bà Nguyễn Thị B (BL 287) thì *“Tôi sống từ khu phố N từ năm 1985 không thấy ai trồng xà cừ và điều trên phần đất của bà H và các hộ dân gần tôi”*; bà Nguyễn Thị T4 (BL 288), *“Chị H có trồng khoảng 10 cây điều đường kính khoảng 15cm nhưng không biết trồng năm nào”*, Như vậy, những người này đều trình bày chỉ thấy bà H trồng hoa màu ngắn ngày, không thấy trồng cây xà cừ và cây điều như bà H khai, do những người này quen biết và bà H nhờ xác nhận nên ký vào đơn trên.

Từ những nhận định trên thấy rằng việc bà H trình bày số cây điều, xà cừ trên diện tích đất ông D1, ông H2, ông H1 đang quản lý do bà trồng là không có cơ sở nên việc bà yêu cầu ông D1, ông H2, ông H1 phải bồi thường cho bà giá trị số cây điều, xà cừ mà ông H1, ông H2, ông D1 đã chặt với số tiền là 487.000.000 đồng là không có căn cứ. Việc Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà H là phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng quy định pháp luật, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

[2] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của bà Phạm Thị H thì vào khoảng 08 giờ sáng ngày 23/02/2008 bà H phát hiện cây xà cừ và cây điều của bà bị người khác cưa thành từng đoạn, bà H đi đếm gốc cây thì ông H1 và ông D1 về, ông D1 và ông H1 chửi bà H, ông H1 cầm một cây tầm vông đánh vào thái dương của bà H, bà H quay người lại thì ông H1 đánh tiếp vào lưng của bà H mấy cái, lúc này bà X đến dùng tay phải nắm đầu bà H, bà X đến nắm tóc bà H và bà H nắm lấy cổ áo bà X, hai bà vật lộn nhau, sau đó được can ra và bà H nằm bất tỉnh tại sân nhà ông H1. Tuy nhiên, lời khai của bà H không được ông Nguyễn Đình H1 thừa nhận mà ông H1 cho rằng do bà H đến chửi cô của ông H1 là bà X, chửi rất thậm tệ và lời qua tiếng lại thì bà H lấy cát ném vào người cô của ông H1 và con trai của ông H1, ông H1 có nói bà H đừng làm vậy, nhưng bà H tiếp tục chửi nên ông H1 đã tát bà H một cái vào má bên trái của bà H, chứ ông H1 không đánh bà H gây thương tích như lời bà H trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2008 (BL 189) và biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2010 (BL 177) tại công an thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước ông Trần D1 khai: *“... bà cô của H1 dùng cây vọt trúng vào đầu hay mặt bà H 02 cái, bà H cầm cây vọt lại cô của H1 là bà X trúng vào đùi hay ở đâu không rõ vì sự việc diễn ra rất nhanh, ông D1 kêu H1 ra can bà H ra, H1 lao ra cầm được hai khúc cây vọt ra ngoài, sau đó bà H và cô của H1 lao vào túm tóc nhau, vật lộn nhau, ông D1 không thấy ông H1 đánh bà H mà chỉ thấy bà H và bà X mỗi người cầm một đoạn cây đánh nhau trước khi vật nhau xuống đất, cụ thể ai đánh trúng ai thì ông D1 không nhìn rõ”*. Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị N1 (BL 175); bà Nguyễn Thị B (BL169),

ông Nguyễn Đức T5 (BL 197), bà Nguyễn Thị Ngọc H4 (BL 181) là những người làm chứng đều xác định không thấy ông H1 đánh bà H mà thấy bà H và bà X nắm tóc vật nhau.

Mặc dù, tại giấy chứng nhận thương tích ngày 23/8/2008 của Bệnh viện Đa khoa cao su L xác nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của bà H là vùng cằm có khối máu tụ, lung lay răng 12, rướm máu chân răng, gò má trái sưng. Tuy nhiên, xảy ra thương tích của bà H có cả bà X tham gia đánh nhau với bà H và không có căn cứ chứng minh những thương tích nêu trên của bà H là ông H1 gây ra mà chỉ có căn cứ xác định việc ông H1 tát một cái vào má trái của bà H gây sưng nề má trái.

Theo Giấy chứng nhận thương tích số 108/CN ngày 04/3/2008 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước, ngày bà H nhập viện là 27/02/2008 thì tình trạng thương tích lúc vào viện thì không còn sưng nề má trái nữa nên việc sưng nề má trái của bà H đã được điều trị khỏi tại bệnh viện Cao su L. Do đó ông H1 chỉ phải bồi thường 50% phần chi phí điều trị tại bệnh viện Đa khoa cao su L là số tiền 390.500đồng, tiền công lao động 04 ngày (Mỗi ngày là 100.000 đồng), chi phí cho người chăm sóc là 04 ngày x số tiền 70.000đồng/01 ngày/01 người chăm sóc cho bà H với tổng số tiền 535.250 đồng (Năm trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng) như Tòa cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ, phù hợp, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của bà H về phần này là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà H đề nghị cơ quan điều tra công an huyện L điều tra lại thương tích, nhận thấy: Theo kết luận giám định thương tích số 54/TgT ngày 01/8/2008 của Viện pháp y Quốc Gia - Bộ phận thường trực phía Nam kết luận sức khỏe bà H bị giảm do thương tật là 0% nên Công an huyện L đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 50 ngày 16/11/2009. Sau khi nhận quyết định không khởi tố vụ án, bà H yêu cầu giám định lại. Tại bản kết luận giám định số 50 ngày 16/6/2011 của Viện pháp y Quốc Gia - Bộ phận thường trực phía Nam kết luận sức khỏe của bà H bị giảm do thương tích vẫn là 0%. Bà H đã khiếu nại việc này và đã được Công an huyện L và Viện kiểm sát nhân dân huyện L giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 01/QĐGQKN-CSĐT ngày 28/11/2011 và Quyết định số 130/QĐ.VKS ngày 26/12/2012. Sau đó bà H đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu ông H1 bồi thường thiệt hại về sức khỏe. Hiện nay, yêu cầu của bà đã được Tòa án giải quyết. Do đó, yêu cầu của bà về phần này không được Hội đồng xét xử xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị H phải chịu theo quy định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 608, Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình H1, ông Nguyễn Đình H2, ông Trần D1 bồi thường số tiền: 487.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng)

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình H1 bồi thường chi phí điều trị bệnh, tiền công lao động bị mất của bà H và của người chăm sóc bà H.

Buộc ông Nguyễn Đình H1 phải bồi thường chi phí điều trị bệnh cho bà Phạm Thị H và tiền công lao động bị mất của bà H và của người chăm sóc bà H với số tiền là: 535.250 đồng (Năm trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng).

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình H1 phải bồi thường chi phí điều trị, tiền công lao động bị mất, tiền công thuê người chăm sóc với số tiền không được chấp nhận là 47.325.780 đồng – 535.250 đồng = 46.790.530 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi ngàn, năm trăm ba mươi đồng) và 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền chi phí trông 03 cái răng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H phải chịu 23.480.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng). Miễn 50% số tiền án phí cho bà Phạm Thị H là: 11.740.000 đồng. Sau khi miễn 50% số tiền án phí thì bà H phải chịu là: 11.740.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền 5.870.000 đồng (Năm triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng) do bà Phạm Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 004931 ngày 14/3/2013. Sau khi khấu trừ bà Phạm Thị H phải nộp thêm số tiền 5.870.000 đồng.

Ông Nguyễn Đình H1, ông Nguyễn Đình H2, ông Trần D1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bà H yêu cầu bồi thường số tiền chặt cây trồng.

Ông Nguyễn Đình H1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với số tiền ông H1 phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tiền công lao động bị mất, tiền công của người chăm sóc cho bà H.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị H phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản được khấu trừ vào số tiền 1.500.000 đồng do bà Phạm Thị H đã nộp.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0014804 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh Bình Phước;

TAND huyện L;

Chi cục THADS huyện L;

Các đương sự;

Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Hùng